SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN SIÊU

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế cấp THPT
Năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp11	Lớp12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**483**	**212**	**128**	**143**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	483 (100%)	212 (100%)	128 (100%)	143 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**483**	**212**	**128**	**143**
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	446 (92,34%)	192 (90,57%)	113 (88,28%)	141 (98,6%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	37 (7,66%)	20 (9,43%)	15 (11,72%)	2 (1,4%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**483**	**212**	**128**	**143**
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	483 (100%)	212 (100%)	128 (100%)	143 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	446 (92,34%)	192 (90,57%)	113 (88,28%)	141 (98,6%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	37 (7,66%)	20 (9,43%)	15 (11,72%)	2 (1,4%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp11	Lớp12
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
5	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	17 (3,5%)	10 (4,72%)	5 (3,91%)	2 (1,4%)
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**	**11 (2,28%)**	**02 (0,94%)**	**05 (3,91%)**	**04 (0,8%)**
1	Cấp tỉnh/thành phố	07 (1,41%)	0	03 (2,34%)	04 (2,79%)
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	04 (0,82%)	02 (0,94%)	02 (1,56%)	0
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	**143**	**0**	**0**	**143**
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	**143**	**0**	**0**	**143**
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập** (tỷ lệ so với tổng số)	122 (85%)			122 (85%)
VIII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập** (tỷ lệ so với tổng số)	21 (15%)			21 (15%)
IX	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	264/219	110/102	80/48	74/69
X	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	07	01	01	05

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế cấp THCS
Năm học 2021 – 2022

STT	Nội dung	Tổng số		Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**839**	**211**	**203**	**201**	**224**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	839 (100%)	211 (100%)	203 (100%)	201 (100%)	224 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**839**	**211**	**203**	**201**	**224**
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	729 (86,89)	197 (93,36%)	178 (87,68%)	166 (82,59%)	188 (83,93%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	107 (12,75%)	14 (6,64%)	25 (12,32%)	34 (16,92%)	34 (15,18%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	03 (0,36%)	0	0	01 (0,5%)	02 (0,89%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**839**	**211**	**203**	**201**	**224**
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	839 (100%)	211 (100%)	203 (100%)	201 (100%)	224 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	729 (86,89)	197 (93,36%)	178 (87,68%)	166 (82,59%)	188 (83,93%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	107 (12,75%)	14 (6,64%)	25 (12,32%)	34 (16,92%)	34 (15,18%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số		Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	05 (0,59%)	0	2 (0,99%)	1 (0,5%)	2 (0,89%)
5	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	25 (2,97%)	6 (2,84%)	3 (1,48%)	8 (3,98%)	8 (3,57%)
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**	108 (12,87%)	22 (10,43%)	44 (21,67%)	39 (19,4%)	03 (1,33%)
1	Cấp tỉnh/thành phố	02 (0,89%)	0	0	0	02 (0,89%)
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	106 (12,6%)	22 (10,4%)	44 (21,67%)	39 (19,4%)	01 (0,4%)
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	224				224
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	224				224
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	187 (83,5%)				187 (83,5%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	35 (15,6%)				35 (15,6%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	02 (0,9%)				02 (0,9%)
VII	**Số học sinh thi đỗ vào lớp 10 công lập** (tỷ lệ so với tổng số)	39 (17,4%)				39 (17,4%)
VIII	**Số học sinh thi đỗ vào lớp 10 ngoài công lập** (tỷ lệ so với tổng số)	185 (82,6%)				185 (82,6%)
IX	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	391/448	106/105	85/118	97/104	103/121
X	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	07	01	03	0	03

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN SIÊU

HIỆU TRƯỞNG

Ths. Nguyễn Thị Minh Thủy

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN SIÊU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2022- 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Cơ hữu	Thỉnh giảng	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Khác	
I	**GIÁO VIÊN**	**98**	**96**	**2**		**35**	**63**				
	Trong đó, GV dạy môn:										
1	Toán	24	24			7	17				
2	Vật lý	5	5			2	3				
3	Hóa học	6	6			2	4				
4	Sinh học	6	6			4	2				
5	Khoa học	8	8			2	6				
6	Công nghệ	2	2				2				
7	Ngữ văn	11	11			6	5				
8	Lịch sử	4	4			2	2				
9	Địa lý	4	4			2	2				
10	GDCD	4	4			2	2				
11	Tiếng Anh	15	14	1		3	12				
12	Tin học	2	2	1			2				
13	GD thể chất	3	3				3				
14	Mĩ thuật	2	2				2				
15	Âm nhạc	2	2			2					
16	GD quốc phòng	0									
II	**Cán bộ, nhân viên**	**85**	**85**	1		**8**	**57**	**3**	**5**	**12**	
1	BGH	3	3			2	1				
2	Hành chính- giáo vụ	7	7				7				
3	Văn phòng	3	3				3				
4	Y tế	1	1				1				

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Cơ hữu	Thỉnh giảng	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Khác	
5	Thư viện	1	1				1				
6	SAS	6	6				6				
7	Tâm lý	4	4			1	3				
8	Phòng chức năng	8	8				7		1		
9	CNTT	6	6			1	4	1			
10	Cơ sở vật chất	4	4				2	2			
11	Tr.thông-Tr.thống	6	6			1	5		1		
12	Bộ phận Quốc tế	15	15			3	12				
13	Kế toán	1	1				1				
14	Thủ quĩ	1	1				1				
15	Bảo vệ	4	4								
16	Bếp ăn	15	15						3	12	

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN SIÊU

HIỆU TRƯỞNG

Ths. Nguyễn Thị Minh Thủy

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN SIÊU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2022 – 2023

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	51	
II	**Loại phòng học**		
1	Phòng học kiên cố	51	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	10	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	51	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	30hs/lớp	
III	**Số điểm trường**	1	
IV	**Tổng số diện tích đất** (m^2)	6289	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	3000	
VI	**Tổng diện tích các phòng (m^2)**	5823	
1	Diện tích phòng học (m^2)	2856	1,9 m^2/học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	900	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m^2)	89	
3	Diện tích thư viện (m^2)	350	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	450	
5	Diện tích phòng khác (Phòng Y tế, Tư vấn tâm lý, Phòng cộng đồng...) .....)(m^2)	478	
6	Hội trường (m^2) – Phòng đa năng	700	

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	9	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10; 11; 12	2	1 bộ/ 2 lớp
2	Khối lớp 8; 9	2	1 bộ/ 2 lớp
3	Khối lớp 6; 7	2	1 bộ/ 2 lớp
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	100m^2	-
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	33 laptop	Mỗi HS đều có máy tính cá nhân

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	35	
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	77	
5	Thiết bị khác (đài, máy photo copy, máy in)	51	
6	Bảng thông minh	27	

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	Nhà bếp	1 (200 m^2)
XI	Nhà ăn	1 (1000m^2)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**			
XIII	**Khu nội trú**			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	6		20		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN SIÊU

HIỆU TRƯỞNG

Ths. Nguyễn Thị Minh Thúy

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN SIÊU

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục cấp THPT
Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Chia ra theo khối lớp		
		Lớp 10	**Lớp 11**	**Lớp 12**
I	Điều kiện tuyển sinh	- Học sinh (HS) sinh năm 2007, tốt nghiệp THCS, học lực Khá, Giỏi, hạnh kiểm Tốt - Có trình độ Tiếng Anh từ Cambridge PET trở lên (tương đương IELTS 4.0-5.0). - Đảm bảo đủ sức khỏe học tập 2 buổi/ngày - Đủ điều kiện xét tuyển và đánh giá năng lực tổng hợp, tiếng Anh theo mô hình lớp: + HS học chương trình Anh ngữ học thuật tăng cường phải thỏa mãn điều kiện xét tuyển đầu vào hoặc xét điểm thi vào lớp 10 trong kì thi chung của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) và yêu cầu tiếng Anh học thuật của nhà trường + HS học chương trình song ngữ xét tuyển thẳng từ lớp 9IGCSE lên lớp 10IGCSE theo lộ trình Cambridge.	- HS trường Nguyễn Siêu đủ điều kiện lên lớp 11 của năm học trước - HS chuyển đến (nếu còn chỉ tiêu) phải có xếp loại Học lực Khá, Giỏi, Hạnh kiểm Tốt, và đáp ứng đủ điều kiện đánh giá năng lực bộ môn, trình độ tiếng Anh theo từng mô hình lớp. - Đảm bảo đủ sức khỏe học tập 2 buổi/ngày.	- HS trường Nguyễn Siêu đủ điều kiện lên lớp 12 của năm học trước - HS chuyển đến (nếu còn chỗ học) phải có xếp loại Học lực Khá, Giỏi, Hạnh kiểm Tốt, và đáp ứng đủ điều kiện đánh giá năng lực bộ môn, trình độ tiếng Anh theo từng mô hình lớp. - Đảm bảo đủ sức khỏe học tập 2 buổi/ngày.

STT	Nội dung	Chia ra theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
II	Chương trình giáo dục	- *Lớp Anh ngữ học thuật tăng cường (AE) thực hiện học*: + Chương trình ục phổ thông 2018 của Bộ GDĐT; + Chương trình bổ sung nâng cao Toán, Ngữ văn được Sở GDĐT Hà Nội phê duyệt theo tiêu chí trường Chất lượng cao; + Chương trình tiếng Anh học thuật tăng cường trang bị nền tảng để thi lấy các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge theo khung CEFR và trang bị các kĩ năng học tập cần thiết trong môi trường Quốc tế. - *Lớp song ngữ:* Học Chương trình của Bộ GDĐT Việt Nam và Chương trình trường Phổ thông Quốc tế Cambridge (mã số trường VN236) thuộc Đại học Cambridge Vương quốc Anh	- *Lớp Anh ngữ học thuật tăng cường (AE) thực hiện học* + Chương trình của Bộ GDĐT theo chuẩn kiến thức, kĩ năng; + Chương trình bổ sung nâng cao Toán, Ngữ văn được Sở GDĐT Hà Nội phê duyệt theo tiêu chí trường Chất lượng cao; + Chương trình tiếng Anh học thuật tăng cường trang bị nền tảng để thi lấy các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge theo khung CEFR và trang bị các kĩ năng học tập cần thiết trong môi trường Quốc tế. - *Lớp dự bị đại học quốc tế Cambridge A-Level:* Học Chương trình của Bộ GDĐT Việt Nam và các môn học của Chương trình quốc tế Cambridge A-Level. - *Lớp dự bị đại học quốc tế NCUK:* Học các môn học của Chương trình dự bị đại quốc tế NCUK.	- *Lớp CLC thực hiện học*: + Chương trình của Bộ GDĐT theo chuẩn kiến thức, kĩ năng; + Chương trình bổ sung nâng cao Toán, Ngữ văn được Sở GDĐT Hà Nội phê duyệt theo tiêu chí trường Chất lượng cao; + Chương trình tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) và hướng đến thi các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge các trình độ. - *Lớp dự bị đại học quốc tế Cambridge A-Level:* Học Chương trình của Bộ GDĐT Việt Nam và các môn học của Chương trình quốc tế Cambridge A-Level.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa Nhà trường và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	1. Cha mẹ học sinh (CMHS) phối hợp với nhà trường theo nội quy, quy định của cấp học, theo điều lệ nhà trường và quy định nhập học của trường và Sổ tay CMHS. 2. CMHS và nhà trường trao đổi qua cổng thông tin liên lạc điện tử, gặp trực tiếp và qua các cuộc họp CMHS định kỳ hàng năm.	1. Cha mẹ học sinh (CMHS) phối hợp với nhà trường theo nội quy, quy định của cấp học, theo điều lệ nhà trường và quy định nhập học của trường và Sổ tay CMHS. 2. CMHS và nhà trường trao đổi qua cổng thông tin liên lạc điện tử, gặp trực tiếp và qua các cuộc họp CMHS định kỳ hàng năm.	1. Cha mẹ học sinh (CMHS) phối hợp với nhà trường theo nội quy, quy định của cấp học, theo điều lệ nhà trường và quy định nhập học của trường và Sổ tay CMHS. 2. CMHS và nhà trường trao đổi qua cổng thông tin liên lạc điện tử, gặp trực tiếp và qua các cuộc họp CMHS định kỳ hàng năm.

STT	Nội dung	Chia ra theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
		3. Yêu cầu học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, chủ động, trung thực.	3. Yêu cầu học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, chủ động, trung thực.	3. Yêu cầu học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, chủ động, trung thực.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh tại trường	- Dịch vụ đưa đón, quản lý học sinh đến trường bằng ô tô, dịch vụ ăn nghỉ trưa tại trường. - HS được tham gia các hoạt động học tập ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo; các hoạt động tập thể; thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ; tham gia các câu lạc bộ theo nguyện vọng và năng lực. - HS được tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống và phòng chống các tệ nạn xã hội.	- Dịch vụ đưa đón, quản lý học sinh đến trường bằng ô tô, dịch vụ ăn nghỉ trưa tại trường. - HS được tham gia các hoạt động học tập ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo; các hoạt động tập thể; thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ; tham gia các câu lạc bộ theo nguyện vọng và năng lực. - HS được tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống và phòng chống các tệ nạn xã hội.	- Dịch vụ đưa đón, quản lý học sinh đến trường bằng ô tô, dịch vụ ăn nghỉ trưa tại trường. - HS được tham gia các hoạt động học tập ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo; các hoạt động tập thể; thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ; tham gia các câu lạc bộ theo nguyện vọng và năng lực. - HS được tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống và phòng chống các tệ nạn xã hội.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- HS có phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - HS có năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất. - HS có các kỹ năng sống hội nhập môi trường quốc tế và giữ gìn bản	- HS có phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - HS có năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất. - HS có các kỹ năng sống hội nhập môi trường quốc tế và giữ gìn bản	- HS có phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - HS có năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất. - HS có các kỹ năng sống hội nhập môi trường quốc tế và giữ gìn bản

STT	Nội dung	Chia ra theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
		sắc văn hóa Việt Nam, nếp văn hóa Nguyễn Siêu. - Kết quả rèn luyện: Tốt và Khá đạt 100%. - Kết quả học tập: Tốt và Khá trên 80% không có HS chưa đạt. - Học sinh lên lớp thẳng 100% - 100% học sinh có đủ sức khỏe để tham gia học tập. - Tham gia các Kì thi lấy chứng chỉ IGCSE đạt 100%, trong đó có trên 70% điểm A và A*. - Môn Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 đạt 100% điểm C (tương đương IELTS 6.5), trong đó 60% đạt từ B	sắc văn hóa Việt Nam, nếp văn hóa Nguyễn Siêu. - Hạnh kiểm Tốt và Khá đạt 100%. - Học lực Giỏi và Khá trên 80% không có HS học Yếu. - Học sinh lên lớp thẳng 100% - 100% học sinh có đủ sức khỏe để tham gia học tập. - Tham gia các Kì thi lấy chứng chỉ IGCSE đạt 100%, trong đó có trên 70% điểm A và A*. - Môn Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 đạt 100% điểm C (tương đương IELTS 6.5), trong đó 60% đạt từ B trở lên (tương đương IELTS trên 7.0).	sắc văn hóa Việt Nam, nếp văn hóa Nguyễn Siêu. - Hạnh kiểm Tốt và Khá đạt 100%. - Học lực Giỏi và Khá trên 80% không có HS học Yếu. - Học sinh lên lớp thẳng 100% - 100% học sinh có đủ sức khỏe để tham gia học tập. - Tham gia các Kì thi lấy chứng chỉ IGCSE đạt 100%, trong đó có trên 70% điểm A và A*. - Môn Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 đạt 100% điểm C (tương đương IELTS 6.5), trong đó 60% đạt từ B trở lên (tương đương IELTS trên 7.0).
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Được lên lớp 11: 100% Tiếp tục học chương trình quốc tế ở các mức độ cao hơn: 100%	- Được lên lớp 12: 100% - Tiếp tục học chương trình quốc tế ở các mức độ cao hơn: 100% hoặc chuyển tiếp học dự bị đại học quốc tế.	- Tốt nghiệp THPT: 100% - Đạt nguyện vọng vào các trường Đại học Việt Nam: 100%; - Được các trường trên thế giới mời nhập học vào các bậc học cao hơn.

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục cấp THCS
Năm học 2022 - 2023

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh sinh năm 2007; Học sinh có đủ sức khỏe và năng lực học tập chương trình nhà trường (chương trình Việt Nam và chương trình Quốc tế); Đủ điều kiện đánh giá của chương trình "Ngày hội định hướng cấp THCS".	Học sinh có kết quả năm học trước đạt: Học lực Khá, Giỏi Hạnh kiểm: Tốt; Đảm bảo đủ sức khỏe học tập 2 buổi/ngày; Đủ điều kiện đánh giá năng lực bộ môn theo mô hình lớp.	Học sinh có kết quả năm học trước đạt: Học lực Khá, Giỏi Hạnh kiểm: Tốt; Đảm bảo đủ sức khỏe học tập 2 buổi/ngày; Đủ điều kiện đánh giá năng lực bộ môn theo mô hình lớp.	Học sinh có kết quả năm học trước đạt: Học lực Khá, Giỏi Hạnh kiểm: Tốt; Đảm bảo đủ sức khỏe học tập 2 buổi/ngày; Đủ điều kiện đánh giá năng lực bộ môn theo mô hình lớp.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ GDĐT Việt Nam. Chương trình tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) và thi các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge các trình độ; Chương trình các bộ môn song ngữ của Hội đồng khảo thí Cambridge	Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ GDĐT Việt Nam. Chương trình tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) và thi các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge các trình độ; Chương trình các bộ môn song ngữ của Hội đồng khảo thí Cambridge	Chương trình quốc gia Việt Nam của Bộ GDĐT theo chuẩn kiến thức kĩ năng; Chương trình bổ sung nâng cao Toán, Ngữ văn được Sở GDĐT Hà Nội phê duyệt theo tiêu chí trường Chất lượng cao; Chương trình tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) và thi các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge các trình độ; Chương trình các bộ môn song ngữ của Hội đồng khảo thí Cambridge	Chương trình quốc gia Việt Nam của Bộ GDĐT theo chuẩn kiến thức kĩ năng; Chương trình bổ sung nâng cao Toán, Ngữ văn được Sở GDĐT Hà Nội phê duyệt theo tiêu chí trường Chất lượng cao; Chương trình tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) và thi các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge các trình độ; Chương trình các bộ môn song ngữ của Hội đồng khảo thí Cambridge
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu về thái độ học tập	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu về thái độ học tập	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu về thái độ	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu về thái độ

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	của học sinh: Thông qua Quy định nhập học giữa nhà trường và gia đình, các nội quy, quy định của cấp học theo điều lệ nhà trường được cụ thể trong cẩm nang dành cho cha mẹ học sinh.	của học sinh: Thông qua Quy định nhập học giữa nhà trường và gia đình, các nội quy, quy định của cấp học theo điều lệ nhà trường được cụ thể trong cẩm nang dành cho cha mẹ học sinh.	học tập của học sinh: Thông qua Quy định nhập học giữa nhà trường và gia đình, các nội quy, quy định của cấp học theo điều lệ nhà trường được cụ thể trong cẩm nang dành cho cha mẹ học sinh.	học tập của học sinh: Thông qua Quy định nhập học giữa nhà trường và gia đình, các nội quy, quy định của cấp học theo điều lệ nhà trường được cụ thể trong cẩm nang dành cho cha mẹ học sinh.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Dịch vụ đưa đón, quản lý học sinh đến trường bằng ô tô, dịch vụ ăn nghỉ trưa tại trường; - Các hoạt động trải nghiệm môn học, kĩ năng sống, kĩ năng xã hội,... trong và ngoài nhà trường được nghiên cứu và tăng cường nhằm phát triển năng lực và kĩ năng cho học sinh; - Các câu lạc bộ phát triển kĩ năng, năng khiếu và thể lực của học sinh.	- Dịch vụ đưa đón, quản lý học sinh đến trường bằng ô tô, dịch vụ ăn nghỉ trưa tại trường; - Các hoạt động trải nghiệm môn học, kĩ năng sống, kĩ năng xã hội,... trong và ngoài nhà trường được nghiên cứu và tăng cường nhằm phát triển năng lực và kĩ năng cho học sinh; - Các câu lạc bộ phát triển kĩ năng, năng khiếu và thể lực của học sinh.	- Dịch vụ đưa đón, quản lý học sinh đến trường bằng ô tô, dịch vụ ăn nghỉ trưa tại trường; - Các hoạt động trải nghiệm môn học, kĩ năng sống, kĩ năng xã hội,... trong và ngoài nhà trường được nghiên cứu và tăng cường nhằm phát triển năng lực và kĩ năng cho học sinh; - Các câu lạc bộ phát triển kĩ năng, năng khiếu và thể lực của học sinh.	- Dịch vụ đưa đón, quản lý học sinh đến trường bằng ô tô, dịch vụ ăn nghỉ trưa tại trường; - Các hoạt động trải nghiệm môn học, kĩ năng sống, kĩ năng xã hội,... trong và ngoài nhà trường được nghiên cứu và tăng cường nhằm phát triển năng lực và kĩ năng cho học sinh; - Các câu lạc bộ phát triển kĩ năng, năng khiếu và thể lực của học sinh.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Kết quả rèn luyện: Tốt và Khá đạt 100%. - Kết quả học tập: Tốt và Khá trên 80% không có HS chưa đạt. - Học sinh lên lớp thẳng 100% - 100% học sinh có đủ sức khỏe để tham gia học tập.	- Kết quả rèn luyện: Tốt và Khá đạt 100%. - Kết quả học tập: Tốt và Khá trên 80% không có HS chưa đạt. - Học sinh lên lớp thẳng 100% - 100% học sinh có đủ sức khỏe để tham gia học tập.	Hoàn thành Tốt chương trình học tập: 75% Năng lực Tốt: 75%; Phẩm chất Tốt: 100%	Hoàn thành Tốt chương trình học tập: 75% Năng lực Tốt: 75%; Phẩm chất Tốt: 100%

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ điều kiện lên lớp 7	Đủ điều kiện lên lớp 8	Đủ điều kiện lên lớp 9	Đủ điều kiện học tập bậc học THPT

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN SIÊU

HIỆU TRƯỞNG

Ths. Nguyễn Thị Minh Thúy